TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____
Số: 402/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Đức D, sinh năm 1957

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện T, thành phố H.

Chỗ ở: Thôn H, xã N, thị xã Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xã T, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm 1 Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*";

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đỗ Đức D và bà Nguyễn Thị N.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức D và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đỗ Đức D và bà Nguyễn Thị N có hai con chung là chị Đỗ Ngọc H, sinh năm 1987 và chị Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1988. Chị H và chị T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Đỗ Đức D là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 05/10/2016);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Tiến Hải